

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/12/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Duy Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Nga**, ông **Phạm Quốc Trung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hằng** – Thư ký Tòa án TP Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Ánh N**, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện tại: Tổ 12, phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Quang H**, sinh năm 1982

Nơi ĐKNKTT: Xóm Đ, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 12, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

Nơi công tác: Công ty cổ phần Vinco Việt Nam, chi nhánh Hòa Bình.

Chị N, anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh N trình bày:

Tôi và anh Phạm Quang H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng

ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/11/2016. Sau khi kết hôn chúng tôi sống cùng ông bà ngoại tại tổ 12, phường H, TP Hòa Bình. Quá trình chung sống của chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, không tìm được tiếng nói chung. Bản thân tôi không thể hòa hợp được với chồng, cảm giác không được chia sẻ về mọi mặt trong cuộc sống, làm tôi luôn cảm thấy bế tắc và áp lực. Từ tháng 6 năm 2020, tôi đã đưa 02 con về sống cùng ông bà ngoại tại tổ 12, phường H, TP Hòa Bình. Vợ chồng tôi ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn, tôi làm đơn xin được ly hôn.

Về con chung: Có 2 con chung là Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 12/4/2017 và Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/4/2017. Chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con. Tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung tùy theo anh Hưng.

Về tài sản chung và công sức đóng góp: Không có.

Về công nợ chung: Không có.

Tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Quang H trình bày:

Tôi và chị Đặng Thị Ánh N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/11/2016. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống cùng ông bà ngoại tại tổ 12, phường H, TP Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng tôi không tìm được tiếng nói chung về nhiều mặt. Năm 2019, gia đình tôi đã thuê trọ ra ở riêng, cách nhà ông bà ngoại 5 nhà. Tuy nhiên, chị N đã tự ý về sống cùng ông bà ngoại từ tháng 6 năm 2020. Các con ban ngày ở nhà trọ cùng tôi (có bà giúp việc và bà ngoại trông cháu), đến tối chị N đi làm về thì đón con sang ngủ cùng bên nhà ông bà ngoại. Khoảng tầm tháng 9 năm 2020 (mùa đông, thời tiết trở lạnh), chị N xin đón 2 con về sống chung cùng ông bà ngoại, tôi đồng ý. Vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, tôi vẫn qua lại thăm nom, có trách nhiệm với các con của tôi. Nay chị N có nguyện vọng xin được ly hôn, quan điểm của tôi đề nghị hai vợ chồng, hai bên gia đình nội ngoại hòa giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con.

- Về con chung: Có 2 con chung là Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 12/4/2017 và Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/4/2017. Quan điểm của tôi không đồng ý ly hôn để các con có đủ cả bố và mẹ. Nếu chị N muốn tôi đồng ý ly hôn thì tôi phải được nuôi cả 02 con, tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp: Không có.

- Về công nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2022 của bà Lê Thị X (Bút lục số 48) là mẹ đẻ chị Đặng Thị Ánh N cho biết: “Tôi là mẹ đẻ của chị Đặng Thị Ánh N.

Trước đây tôi là công nhân dệt Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty xây dựng thủy điện Hòa Bình, tôi đã nghỉ hưu hơn chục năm nay. Chị Đặng Thị Ánh N và anh Phạm Quang H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND phường H từ năm 2016, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn các con sống cùng vợ chồng tôi tại tổ 12, phường H, thành phố Hòa Bình. Đến khoảng tháng 7 năm 2018, các con ra thuê trọ ở riêng (cách nhà tôi ở vài nhà). Từ tháng 6 năm 2020, 03 mẹ con chị N chuyển về đây ở cùng vợ chồng tôi cho đến nay. Giữa chị N và anh H có mâu thuẫn gì thì tôi không rõ. Qua trao đổi với con, tôi cũng chỉ thấy chị N nói giữa hai vợ chồng cháu bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của tôi đề các con tự quyết định. Về con chung: chị N và anh H có 02 con chung là Phạm Ngọc Bảo P và Phạm Ngọc Bảo Q, cùng sinh ngày 12/4/2017. Nếu chị N ly hôn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con thì vợ chồng tôi sẽ hỗ trợ chị N về chỗ ở, khi cần thiết sẽ hỗ trợ chị N trong việc chăm sóc con hàng ngày”.

Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2022 đối với bà Nguyễn Thị B (Bút lục số 52) là công dân tổ 12, phường H, bà Biên cho biết: “Tôi là công dân tổ 12, phường H từ năm 2000 đến nay. Trước đây tôi có nhận lời chị N trông con giúp chị N và anh H từ thời điểm tháng 8 năm 2018 đến tháng 8 năm 2020. Quá trình chăm sóc cháu P và cháu Q, tôi thấy gia đình chị N và anh H hoàn toàn bình thường, không thấy cãi nhau bao giờ. Tôi trông trẻ từ 6h 30 phút sáng đến chiều khi chị N và anh H đi làm về thì tôi về. Anh H thì hay đi làm về muộn hơn chị N, nhưng thường thì có bố mẹ chị N sang trông cháu giúp thêm với tôi, buổi chiều tôi sẽ về sớm hơn. Khoảng tháng 6 năm 2020, 03 mẹ con chị N chuyển về sống cùng ông bà ngoại, tôi vẫn đến trông con giúp chị N và anh H khoảng 02 tháng. Lí do các cháu dọn về sống cùng ông bà ngoại tôi cũng không hỏi. Nay chị N xin ly hôn anh H, quan điểm của tôi tùy các cháu quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Đại diện tổ dân phố tổ 12, phường H, TP Hòa Bình bà Nguyễn Thị N là tổ trưởng (Bút lục số 53) cho biết “Tôi là tổ trưởng tổ 12, phường H từ năm 2012 đến nay. Chị Đặng Thị Ánh N và anh Phạm Quang H trước đây được tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Chị Đặng Thị Ánh N và anh Phạm Quang H đều đang cư trú trên địa bàn tổ 12, phường H. Chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, còn anh H không nhập khẩu về tổ 12 nhưng thuê trọ cách nhà chị N 05 nhà. Chị N và anh H có 02 con trai sinh đôi là Phạm Ngọc Bảo P và Phạm Ngọc Bảo Q, cùng sinh ngày 12/4/2017. Quá trình chung sống giữa chị N và anh H có mâu thuẫn gì tôi không nắm được, vì không thấy chị N hay anh H báo cáo qua tổ hòa giải dân phố yêu cầu hòa giải gì. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể tôi không nắm được. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn với anh H, quan điểm của tôi mong Tòa án hòa giải đoàn tụ cho chị N và anh H. Nếu hòa giải không thành cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành: Chị N giữ quan điểm xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn. Ngày

14/10/2022 chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho chị Đặng Thị Ánh N được ly hôn anh Phạm Quang H.

Về con chung giao cho chị Đặng Thị Ánh N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con là Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 12/4/2017 và Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/4/2017. Về cấp dưỡng nuôi con chị N chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không đề cập.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp chung: không có.

Về án phí: Chị Đặng Thị Ánh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Chị Đặng Thị Ánh N khởi kiện vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh Phạm Quang H. Xác minh của Tòa án tại địa phương cho biết anh H đang làm việc tại Công ty cổ phần Vinco Việt Nam, chi nhánh Hòa Bình, hiện đang cư trú tại: Tổ 12, phường H, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị N và anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ tới phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Ánh N và anh Phạm Quang H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Hòa Bình, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu tự nguyện là đúng quy định của pháp luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, không tìm được tiếng nói chung, chị N đã cùng hai con

về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2020 và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho tới nay, anh Hưng kể từ đó cũng không có biện pháp gì để vợ chồng cùng hòa hợp, thực tế cả hai đều không còn quan tâm đến nhau. Căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả xác minh, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Ánh N.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung sinh đôi là Phạm Ngọc Bảo P và Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/4/2017. Khi ly hôn chị N và anh H đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Đối với chị N: Hiện chị N đang có nơi ở ổn định tại tổ 12, phường H, về thời gian lao động hàng ngày của chị N là giờ hành chính nên thuận tiện cho việc đưa đón con đi học hàng ngày, thu nhập hàng tháng ổn định hơn 11 triệu một tháng, các con vẫn đang được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và học tập ổn định cùng chị N tại tổ 12, phường H. Đối với anh H có thu nhập kinh tế ổn định nhưng thời gian đi làm thường xuyên phải về muộn, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng không bằng chị N, tại phiên tòa anh H cũng thừa nhận chị N có trình độ hơn việc giáo dục con tốt hơn anh. Do vậy để đảm bảo ổn định tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con Hội đồng xét xử nhận thấy con sinh đôi không thể tách nhau ra được, do vậy nên giao cả 02 con chung là Phạm Ngọc Bảo P và Phạm Ngọc Bảo Q, cùng sinh ngày 12/4/2017 cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Tòa không xem xét. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công sức đóng góp, công nợ chung:

Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 207; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 và các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Ánh N được ly hôn anh Phạm Quang H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con là Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 12/4/2017 và Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/4/2017. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Tòa không đề cập giải quyết. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai số **0004169**, ngày 16/8/2022, nay không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- Viện kiểm sát ND TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- UBND p. Hữu Nghị, TPHB;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Tuấn